

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 6 – 2023

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bạch Phiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Hoàng Minh;
- Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Huỳnh Tuyết Khánh B, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số nhà H, ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kim H trình bày:*

Chị Lê Thị Kim H và anh Huỳnh Tuyết Khánh B tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào tháng 01 năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2019, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Chị H và anh B có quen biết, tìm hiểu nhau trước hơn 01 năm mới đám cưới, sau đó mới đăng ký kết hôn. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết

hôn.

Thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Sau khi chị H sinh con thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do anh B đi làm thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng, nhưng không đưa tiền cho chị nuôi con, nếu như có đưa thì chỉ đưa cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, còn lại bao nhiêu anh B giữ lại tiêu xài cá nhân, trong khi chi phí sinh hoạt, ăn uống và nuôi con đều do chị chi trả. Ngoài ra, anh B còn tham gia tệ nạn xã hội (đánh bài, đánh số đề); chị đã khuyên anh B nhiều lần bỏ cờ bạc để lo cho gia đình nhưng không được; Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã kéo dài. Đến tháng 01 năm 2022 anh chị ly thân. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh B.

Chị H và anh B có 01 con chung tên Huỳnh Tuệ N, sinh ngày 15/9/2019. Hiện nay cháu đang sống với chị H.

Chị Lê Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim H yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Tuyết Khánh B.

- Về con chung: Chị Lê Thị Kim H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Tuệ N, sinh ngày 15/9/2019 và không yêu cầu anh Huỳnh Tuyết Khánh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Tuyết Khánh B không có ý kiến trình bày.*

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim H: Cho chị Lê Thị Kim H được ly hôn với anh Huỳnh Tuyết Khánh B; Giao cháu Huỳnh Tuệ N, sinh ngày 15/9/2019 cho chị Lê Thị Kim H được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên; Anh Huỳnh Tuyết Khánh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 của chị H.
- Xác nhận thông tin về cư trú ngày 09/02/2023 của Công an xã T
- Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Lê Thị Kim H và anh Huỳnh Tuyết Khánh B.
- Giấy khai sinh của cháu Huỳnh Tuệ N.

- Biên bản xác minh ngày 11/5/2023 và Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/5/2023.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Huỳnh Tuyết Khánh B cư trú tại số nhà H, ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Huỳnh Tuyết Khánh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim H và anh Huỳnh Tuyết K Băng đăng ký kết hôn ngày 22/02/2019, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Lê Thị Kim H và anh Huỳnh Tuyết K Băng là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng trong thời gian chị H và anh B chung sống với nhau thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh B tham gia tệ nạn xã hội, không lo cho vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và ly thân từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay; Từ lúc anh chị ly thân đến nay, anh chị không có hàn gắn với nhau; chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh B. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo cho anh B biết yêu cầu khởi kiện của chị H, nhưng anh B không đến Tòa án để hòa giải, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Điều này chứng minh, anh chị đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, hôn nhân giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim H đối với anh Huỳnh Tuyết Khánh B là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Kim H và anh Huỳnh Tuyết K Bằng có 01 con chung tên Huỳnh Tuệ N, sinh ngày 15/9/2019. Xét thấy, từ lúc anh chị ly thân đến nay cháu N sống cùng với chị H; Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không có yêu cầu được quyền nuôi con. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của cháu, đảm bảo cho cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần, tiếp tục giao cháu N cho chị H được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Kim H không yêu cầu anh Huỳnh Tuyết Khánh B cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H cho rằng giữa anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nhưng không có ý kiến của anh B, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Kim H phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim H.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim H được ly hôn với anh Huỳnh Tuyết Khánh B.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tuệ N, sinh ngày 15/9/2019 cho chị Lê Thị Kim H được quyền trực tiếp nuôi con.

Anh Huỳnh Tuyết Khánh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Huỳnh Tuyết Khánh B không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì chị Lê Thị Kim H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Huỳnh Tuyết K Bằng.

Anh Huỳnh Tuyết Khánh B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Lê Thị Kim H không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
- Về án phí:

Chị Lê Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001452 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Lê Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Huỳnh Tuyết Khánh B không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (ĐKKH số 16, ngày 22/02/2019);
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bạch Phiến**